

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:**S207**/BKHĐT-TH

V/v đánh giá thực hiện Kế hoạch
PTKTXH năm 2024; dự kiến Kế
hoạch PTKTXH năm 2025

Hà Nội, ngày **03** tháng 7 năm 2024

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

HỎA TỐC
Đến trước ngày
Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản hướng dẫn số 4487/BKHĐT-TH ngày 11/6/2024 về đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025. Đến hết ngày 02/7/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa nhận được báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025”. Đề kịp thời tổng hợp, hoàn thiện dự thảo báo cáo, trình cấp có thẩm quyền theo quy định¹, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương cập nhật, cung cấp các nội dung tại Đề cương (*kèm theo văn bản này*) và gửi báo cáo theo yêu cầu tại văn bản số 4487/BKHĐT-TH về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 15/7/2024**.

Sau thời hạn nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổng hợp, báo cáo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương không gửi báo cáo chịu trách nhiệm trước Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về việc chậm gửi báo cáo.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan, địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c); các đơn vị thuộc bộ (để phối hợp đôn đốc và tổng hợp báo cáo theo ngành, lĩnh vực phụ trách);
- Lưu: VT, Vụ TH **T.05**

KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

¹ Căn cứ Chương trình công tác của Ban cán sự đảng Chính phủ tại văn bản số 2918-CTr/BCSDCP ngày 12/6/2024, thời hạn báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái trước ngày 05/8/2024.

ĐỀ CƯƠNG
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH KTXH 6 THÁNG VÀ ƯỚC CẢ NĂM 2024

I. BỐI CẢNH

1. Bối cảnh quốc tế

- Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có chiều hướng “bất ổn, bất định, bất thường” hơn; nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, khó đoán định; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ.

- Cạnh tranh chiến lược các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, đặc biệt là bất ổn chính trị, xung đột quân sự leo thang tại Nga - Urcaina, dải Gaza, Biển Đỏ... ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, thương mại, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Các cường quốc gia tăng đổi đầu về công nghệ, thương mại, tài nguyên...

- Kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng chậm lại; nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 thấp hơn hoặc chỉ tương đương so với năm 2023¹. Một số quốc gia đã ban hành các gói kích thích kinh tế mới. Áp lực lạm phát còn kéo dài; FED và nhiều ngân hàng trung ương vẫn tỏ ra thận trọng, duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt dù một số đã bắt đầu nói lỏng². Thị trường tài chính, tiền tệ, giá vàng, xăng dầu, nguyên vật liệu, hàng hóa, vận tải thế giới biến động mạnh... Dòng vốn đầu tư gián tiếp toàn cầu có dấu hiệu quay trở lại Mỹ và các nước phát triển. Nhiều nước gia tăng các hàng rào kỹ thuật, biện pháp bảo hộ thương mại, áp đặt các tiêu chuẩn mới đối với xuất nhập, khẩu, đặc biệt về môi trường, phát thải các-bon, bảo vệ rừng...

- Khoa học, công nghệ phát triển ngày càng mạnh mẽ, là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với các nước đang phát triển để bắt kịp với các xu thế lớn, thu hẹp khoảng cách phát triển và ứng phó với những vấn đề an ninh mới đặt ra.

¹ Liên hợp quốc (UN) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 tương đương với năm 2023, đạt khoảng 2,7%. Ngân hàng thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,6%, bằng năm 2023. IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 3,1%, giữ nguyên so với tăng trưởng năm 2023. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 2,9%, thấp hơn mức 3,1% của năm 2023.

² Fed dự định sẽ giảm 1 lần lãi suất trong năm 2024 nhưng chưa rõ về thời điểm giảm, thậm chí có ý kiến trái chiều về việc không giảm lãi suất; Ngân hàng Trung ương Na Uy phát tín hiệu sẽ không giảm lãi suất trước năm 2025; Ngân hàng trung ương Anh thông báo sẽ giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%; Ngân hàng Trung ương Australia thậm chí còn không loại trừ khả năng tăng lãi suất thêm lần nữa... Trong khi đó, Ngân hàng trung ương Thụy Sỹ đã cắt giảm lãi suất 2 lần trong 6 tháng đầu năm; tháng 5, Ngân hàng trung ương Thụy Điển cắt giảm lãi suất xuống 3,75% từ mức 4%; tháng 6, Ngân hàng Châu Âu đã hạ 0,25% lãi suất.

Các mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... dần định hình trở thành xu thế mới, yêu cầu các nước đang phát triển phải tăng trưởng nhanh hơn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh mẽ hơn, cạnh tranh hiệu quả hơn và khai thác tốt hơn các cơ hội để không “tụt lại phía sau”, giành lấy vị thế dẫn đầu trong cuộc cạnh tranh toàn cầu.

- Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng ngày càng gặp nhiều khó khăn, thách thức...

2. Bối cảnh trong nước

- Trong nước, tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn, an ninh năng lượng được bảo đảm. Công tác chỉ đạo, điều hành được triển khai quyết liệt, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội. Chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và chính sách vĩ mô khác được điều hành, phối hợp hài hòa, xử lý kịp thời, hiệu quả các khó khăn, vuông măc tôn đọng cũng như các vấn đề phát sinh như tỷ giá, lãi suất, thị trường vàng. Tập trung rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh... Thực hiện tốt các chính sách người có công, đối tượng chính sách, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân... Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế...

Các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá cao về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam³; đồng thời nhận định Việt Nam tăng trưởng nhanh nhất ASEAN về kinh tế số⁴, đứng thứ ba Đông Nam Á về đầu tư vào Start-up; IMF dự báo quy mô GDP theo sức mua tương đương của nước ta năm 2029 vào nhóm 20 nền kinh tế lớn thế giới.

- Tuy nhiên, nhiệm vụ phát triển KTXH ngày càng khó khăn hơn. Tình hình thế giới tác động nhanh đến kinh tế của nước ta. Tỷ giá, lạm pháp chịu sức ép lớn, nhất là trong bối cảnh có sự biến động mạnh về giá hàng hóa cơ bản, dầu thô trên thị trường quốc tế và chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới. Áp lực cạnh tranh từ các nước trong khu vực, châu Á gia tăng...

Tình hình thiên tai, nắng nóng, thiếu nước, xâm nhập mặn... tiếp tục diễn biến rất phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro đến sản xuất, đời sống người dân. Các vụ việc về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, ô nhiễm đô thị... vẫn là thách thức lớn.

(Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan trung ương)

³ ADB, Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 của Việt Nam là 6%, thuộc nhóm 5 nước tăng trưởng nhanh nhất Châu Á. Chỉ số Niềm tin kinh doanh Quý I/2024 của EuroCham đạt 52,8 điểm, cao nhất từ năm 2022.

⁴ Theo HSBC, kinh tế số Việt Nam tăng nhanh nhất ASEAN năm 2022, 2023, dự kiến duy trì đến năm 2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội, sự ủng hộ, đồng lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình KTXH nước ta năm 2024 cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực... Các hoạt động KTXH phục hồi tích cực hơn, tháng sau tích cực hơn tháng trước, quý sau tốt hơn quý trước; tăng trưởng vượt dự báo của các tổ chức⁵ và kịch bản điều hành đề ra, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Nổi bật là:

1. Tăng trưởng, sản xuất kinh doanh được đẩy mạnh, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn cơ bản ổn định.

1.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2024 tăng trưởng tích cực, cao hơn cùng kỳ năm 2023, ước tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước; tính chung 6 tháng đầu năm 2024 tăng 6,42%.

- Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp Quý II tăng 8,55%, tính chung 6 tháng tăng 7,54% (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,08%), trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo Quý II tăng 10,04%, tính chung 6 tháng tăng 8,67%.

- Tính chung 6 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,8% (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,2%), tồn kho giảm⁶. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 6 đạt 54,7 điểm, thuộc mức điểm cao nhất từ năm 2020 đến nay.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6 tăng 9,1% so với cùng kỳ, tính chung 6 tháng tăng 8,6%; khách quốc tế 6 tháng đạt gần 8,8 triệu lượt người, tăng 58,4% so với cùng kỳ.

Nhiều địa phương duy trì tốc độ tăng trưởng 06 tháng cao như Bắc Giang (14,14%), Khánh Hòa (12,73%), Thanh Hóa (11,5%), Hải Phòng (10,32%)... hoặc đã phục hồi tích cực như Bắc Ninh, Quảng Nam...

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 6 tháng tăng 4,08% so với cùng kỳ.

1.2. Chính sách tiền tệ: Các công cụ chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế; đảm bảo hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD).

- Tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế; đồng thời, chỉ đạo TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay ; yêu cầu các TCTD công khai lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân cũng như thông tin về lãi suất

⁵ Ngân hàng UOB dự báo tăng trưởng Việt Nam Quý II là 6%, BIDV là 5,9-6,3%, Standard Chartered là 5,3%...

⁶ Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng là 76,9% (cùng kỳ năm 2023 là 83,1%).

cho vay các gói, chương trình tín dụng, sản phẩm trên website của ngân hàng, qua đó, nhằm cung cấp thêm thông tin cho khách hàng tham khảo khi tiếp cận vốn vay. Lãi suất cho vay bình quân đối với các giao dịch phát sinh mới của các NHTM đã giảm mạnh trong năm 2023 và tiếp tục có xu hướng giảm trong các tháng đầu năm 2024 (năm 2023 giảm hơn 2,5%/năm so với cuối năm 2022 và đến ngày 31/5/2024, giảm khoảng 0.9%/năm so với cuối năm 2023).

- Điều hành tỷ giá linh hoạt, góp phần hấp thụ các cú sốc bên ngoài. Phát hành tín phiếu nhằm điều tiết lượng tiền VND dư thừa, góp phần giảm bớt mức chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD, hạn chế áp lực gia tăng lên tỷ giá; đồng thời thực hiện bán ngoại tệ can thiệp, hỗ trợ thanh khoản cho thị trường, góp phần bình ổn tâm lý thị trường, ổn định thị trường ngoại tệ, các nhu cầu ngoại tệ được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

- Triển khai nhiều giải pháp để đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng hiệu quả trong năm 2024; đến ngày 26/6 tăng trưởng tín dụng đạt 4,85%.

Quy mô gói tín dụng cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản được nâng lên 30 nghìn tỷ đồng. Đến cuối tháng 3/2024, đã giải ngân cho vay với doanh số lũy kế gần 21.300 tỷ đồng, đạt 71% tổng doanh số cam kết cho vay với trên 7.300 lượt khách hàng vay vốn.

Chương trình 120 nghìn tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư đến nay đã giải ngân khoảng 1.144 tỷ đồng bao gồm: 1.133 tỷ đồng cho chủ đầu tư tại 11 dự án; 11 tỷ đồng cho người mua nhà tại 04 dự án.

Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác huy động, tập trung các nguồn vốn, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đảm bảo nguồn lực để giải ngân các chương trình tín dụng chính sách. Đến 31/5/2024, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách tại NHCSXH đạt 348.258 tỷ đồng, tăng 4,92% so với năm 2023 với hơn 6,8 triệu khách hàng còn dư nợ. Dư nợ tập trung ở một số chương trình: cho vay hộ nghèo đạt 33.979 tỷ đồng; cho vay hộ cận nghèo đạt 41.846 tỷ đồng; cho vay hộ mới thoát nghèo đạt 45.595 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên đạt 17.048 tỷ đồng; cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn đạt 24.488 tỷ đồng; cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn đạt 55.823 tỷ đồng.

- Chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giãn nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN: lũy kế đến 30/4/2024, đã có 210.728 lượt khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giãn nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02 với tổng giá trị nợ gốc và lãi được cơ cấu là 219.074 tỷ đồng.

1.3. Chính sách tài khóa: Công tác quản lý thu, chi NSNN; triển khai các gói chính sách hỗ trợ nền kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người

dân, kích cầu, thúc đẩy tăng trưởng; kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài; đẩy mạnh giải ngân đầu tư công.

- Tổng thu NSNN 6 tháng ước đạt 1.020,6 nghìn tỷ đồng, bằng 60% dự toán, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó, thu nội địa đạt 59,3% dự toán, tăng 18,1%; thu từ dầu thô đạt 64,5% dự toán, giảm 4,8%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 65,6% dự toán, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng chi cân đối NSNN 6 tháng đạt 803,6 nghìn tỷ đồng, bằng 37,9% dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán, đảm bảo hoạt động của bộ máy nhà nước, phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN.

- Trong 6 tháng, đã miễn, giảm khoảng 47,3 nghìn tỷ đồng tiền thuế, phí, tiền sử dụng đất. Đã trình Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện giảm 2% thuế suất thuế GTGT đến hết năm 2024; tiếp tục xây dựng, thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí trong tháng 6 cuối năm; dự kiến tổng số tiền hỗ trợ thuế, phí, lệ phí cả năm 2024 khoảng 191 nghìn tỷ đồng.

1.4. Cán cân thương mại, xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất nhập khẩu, xuất khẩu, nhập khẩu 6 tháng tăng lần lượt là 15,7%, 14,5% và 17% so với cùng kỳ. Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, nhất là xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản⁷; ước xuất siêu 11,63 tỷ USD; xuất khẩu sang các thị trường lớn đều tăng trưởng cao.

- Công tác xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường. Kịp thời thông tin với các Hiệp hội ngành hàng về những diễn biến của thị trường xuất khẩu để doanh nghiệp kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp, định hướng tìm kiếm đơn hàng từ các thị trường; duy trì đều đặn các hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ đạo hệ thống Thương vụ Việt Nam tại các khu vực thị trường thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường nước ngoài; các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của thị trường nước ngoài có thể tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và khuyến nghị đối với các địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- Thực hiện tốt công tác phòng vệ thương mại, thực hiện tốt công tác chống gian lận xuất xứ hàng hóa.

1.5. Đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: Ước tính sáu tháng năm 2024, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 1.451,3 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Vốn khu vực Nhà nước đạt 392,1 nghìn tỷ đồng, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 799,6

⁷ Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 6 tháng đầu năm đạt 29,2 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ.

nghìn tỷ đồng, tăng 6,7%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 259,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3%.

- Về đầu tư công: Ước giải ngân đến 30/6/2024 khoảng 196,7 nghìn tỷ đồng, đạt 29,39% kế hoạch

- Về đầu tư nước ngoài: Tổng vốn FDI đăng ký 6 tháng đạt gần 15,2 tỷ USD, tăng 31,1% so với cùng kỳ. Vốn FDI đăng ký mới đạt hơn 9,54 tỷ USD, tăng 46,9%; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 6,83 tỷ USD, chiếm 71,6% tổng vốn đăng ký cấp mới. Vốn FDI thực hiện 6 tháng đạt khoảng 10,8 tỷ USD, tăng 8,2%, cao nhất của giai đoạn 2019-2024.

1.6. Tình hình doanh nghiệp: Tính chung 6 tháng, có 119,6 nghìn doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường, tăng 5,3%, cao hơn số rút lui khỏi thị trường (110,3 nghìn doanh nghiệp).

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 6 tháng năm 2024 khoảng hơn 39,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2023.

1.7. Phát triển các loại thị trường.

- Thị trường bất động sản: Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, thị trường bất động sản của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Đề án đầu tư 01 triệu căn nhà ở xã hội...

- Thị trường vàng: Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 24/2012/NĐ-CP. Triển khai nhiều giải pháp can thiệp bình ổn thị trường vàng như đấu thầu, bán trực tiếp thông qua 4 NHTM Nhà nước... Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật như buôn lậu vàng qua biên giới, trực lợi, đầu cơ, thao túng, lợi dụng chính sách găm hàng đẩy giá của các tổ chức, cá nhân liên quan gây mất ổn định, an toàn thị trường vàng. Đến nay, giá bán vàng miếng SJC trên thị trường trong nước giảm từ 92 triệu đồng/lượng xuống còn 74,98 triệu đồng; chênh lệch so với giá thế giới khoảng 6 triệu đồng/lượng.

- Thị trường chứng khoán:

Tích cực tiếp tục hoàn thiện các đề án lớn về chiến lược phát triển thị trường chứng khoán, cơ cấu lại thị trường chứng khoán, thành lập sàn giao dịch vốn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Quyết liệt triển khai các giải pháp để sớm nâng hạng TTCK Việt Nam, trong đó tập trung hoàn thiện sửa đổi các chính sách, quy định pháp luật về ký quỹ trước giao dịch, quyền tiếp cận thông tin, giới hạn sở hữu nước ngoài... nhằm đáp ứng các tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi theo tiêu chí của tổ chức xếp hạng FTSE Russell. Tiếp tục xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư gián tiếp tại nước ngoài để quảng bá và thu hút mạnh mẽ hơn sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) vào TTCK Việt Nam.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra các công ty đại chúng và tổ chức kinh doanh chứng khoán nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh của thị trường; đã ban hành 271 quyết định xử phạt, với tổng số tiền xử phạt hơn 37,1 tỷ đồng.

Tính đến ngày 26/6/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.261,24 điểm, tương đương so với cuối tháng trước; tăng 11,6% so với cuối năm 2023; quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 6,98 triệu tỷ đồng, tăng 17,6% so với cuối năm trước; tương đương 68,3% GDP năm 2023.

- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Có 461 mã niêm yết; quy mô giao dịch bình quân tháng 6 đạt 12 nghìn tỷ đồng, tăng 15,9% so với tháng trước; bình quân 6 tháng đạt hơn 10,2 nghìn tỷ đồng, tăng 57,2% so với năm 2023.

1.4. Một số cân đối khác:

- Cân đối điện: đáp ứng nhu cầu điện cho sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của người dân.
- Bảo đảm cân đối lương thực, an ninh lương thực.

(Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ NNPTNT, NHNN, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan liên quan)

2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp

2.1. Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các vấn đề thể chế phát sinh, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; duy trì tổ chức các phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật; ban hành nhiều văn bản quan trọng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng. Trong đó, đã trình Quốc hội cho phép áp dụng các Luật Đất đai, Nhà ở, Kinh doanh bất động sản từ 01/8/2024; đồng thời ban hành Nghị định 12/2024/NĐ-CP ngày 05/2/2024 để giải quyết vướng mắc, khó khăn về định giá đất, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP tháo gỡ vướng mắc trong xây dựng pháp luật...

- Triển khai hiệu quả Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Ngay từ đầu năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành kịp thời rà soát hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua 02 Luật, 02 Nghị quyết⁸. Tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV, trình Quốc hội thông qua 11 luật⁹,

⁸ Luật Đất đai 2024, Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi), Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/1/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 112/2024/QH15 ngày

cho ý kiến lần đầu đối với 11 dự án luật¹⁰, chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; đồng thời quyết nghị nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về quy hoạch, giảm thuế giá trị gia tăng, cải cách tiền lương, cơ chế đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, Nghệ An...

- Công tác thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.
- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.
- Công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.
- Công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được đẩy mạnh.
- Công tác hành chính tư pháp.

2.2. Tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; không để phát sinh thủ tục, quy định kinh doanh, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới không phù hợp, thiếu tính khả thi nhằm tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030.

Tính đến ngày 20/6/2024, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính đạt 81%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng thủ tục hành chính đạt 48%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 74,72%, đã có 62/63 tỉnh, thành phố ban hành chính sách giảm phí, lệ phí; 15 tỉnh, thành phố ban hành chính sách giảm thời gian xử lý để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được xây dựng, từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương, là nền tảng quan trọng trong phát triển Chính phủ số. Nền tảng NDXP hiện đã kết nối với hệ thống của 90 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đã kết nối 103 bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hoàn thành các cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP.

18/01/2024 về việc sử dụng dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

⁹ Gồm Luật Lưu trữ (sửa đổi); Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi); Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; Luật Đường bộ; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Thủ đô (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất giá đất sản; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH152 .

¹⁰ Gồm: Luật Địa chất và khoáng sản; Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Luật Phòng không nhân dân; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật Công chứng (sửa đổi); Luật Công đoàn (sửa đổi); Luật Di sản văn hóa (sửa đổi); Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi); Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược.

(Bộ Tư pháp, Bộ TTTT, VPCP)

3. Hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược phát triển đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, nâng cấp các sân bay, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng

3.1. Nhiều công trình giao thông quan trọng, dự án quan trọng quốc gia có ý nghĩa liên kết vùng, tạo hiệu ứng lan tỏa được đưa vào khai thác.

+ Đường bộ: khởi công tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng; đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; khánh thành đoạn cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo, Diễn Châu - Bãi Vọt, đưa tổng số km đường cao tốc vào khai thác lên hơn 2.000 km...

+ Hàng không: Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ dự án cảng hàng không Long Thành, dự án mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất; đã khởi công dự án mở rộng nhà ga hành khách T2 sân bay Nội Bài...

+ Đường sắt: Triển khai hiệu quả Kế luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy nhanh tiến độ, đưa vào vận hành các dự án đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu hoàn thiện Đề án về dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phấn đấu phê duyệt chủ trương đầu tư dự án sớm nhất có thể trong năm 2024; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các tuyến đường sắt quan trọng khác như Hà Nội - Lào Cai - Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, Biên Hòa - Vũng Tàu, Long Thành - Thủ Thiêm...

+ Đường thủy nội địa: nâng cấp các tuyến luồng hàng hải vào cảng Cái Mép - Thị Vải, cảng Nam Nghi Sơn...

3.2. Hạ tầng năng lượng, hạ tầng điện: Triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đường dây 500kV mạch 3 từ Quảng Trạch đến Phố Nối...

3.3. Hạ tầng số.

3.4. Hạ tầng đô thị.

3.5. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đến hết tháng 6, cả nước có 6.370/8.162 xã (78%) đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó 2.115 xã NTM nâng cao (tăng 503 xã so với cuối năm 2023); 463 xã NTM kiểu mẫu (tăng 207 xã); bình quân cả nước đạt 17,1 tiêu chí/xã (tăng 0,2 tiêu chí); có 284 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (tăng 14 huyện, chiếm 44% số huyện cả nước), trong đó 06 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao. Có 22 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt

chuẩn NTM¹¹, trong đó có 15 tỉnh, thành phố¹² có 100% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM; có 05 tỉnh¹³ được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM3.6. Hạ tầng thương mại.

(Bộ GTVT, Bộ NNPTNT, Bộ TTTT, Bộ Xây dựng, Bộ Công thương)

4. Tập trung cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng cường năng lực nội sinh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh, bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các ngành, lĩnh vực mới nổi, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả

4.1. Cơ cấu lại 3 lĩnh vực trọng tâm

a) Đầu tư công:

b) Cơ cấu lại các DN: Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách vướng mắc liên quan đến sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất đai khi cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, như: nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp; sửa đổi bổ sung các Nghị định 140/2020/NĐ-CP, Nghị định 126/2017/NĐ-CP, Nghị định 91/2015/NĐ-CP và các Nghị định có liên quan... **(Bộ Tài chính)**

c) Cơ cấu lại các TCTD: (NHNN)

Tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. Đến nay, 20 ngân hàng thương mại, 01 Công ty tài chính, 8 Công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Hợp tác xã, ngân hàng nước ngoài đã hoàn thành phê duyệt phương án cơ cấu lại.

Tiếp tục nâng cao năng lực tài chính của các NHTM nhà nước; đã hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận tăng vốn điều lệ đối với ngân hàng VCB, BIDV, Viettinbank, NHHTX.

Tập trung triển khai chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về việc cơ cấu lại, xử lý các TCTD yếu kém, bảo đảm ổn định tình hình hoạt động và hỗ trợ các TCTD này từng bước phục hồi. Đã trình và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương chuyển giao bắt buộc đối với 04 ngân hàng được kiểm soát đặc biệt; đang hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ phê duyệt phương án cơ cấu lại các ngân hàng này theo trình tự, thủ tục quy định; đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và

¹¹ Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh, Hà Tĩnh, Tiền Giang, Đồng Tháp.

¹² Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ, Trà Vinh

¹³ Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương

ban hành các Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp đối với 03 ngân hàng mua bắt buộc theo quy định.

Đẩy mạnh xử lý nợ xấu. Đến cuối tháng 03/2024, nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD là 790,7 nghìn tỷ đồng, tăng 5,13% so với cuối năm 2023. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức 4,78%. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ của hệ thống các TCTD đến cuối tháng 3/2024 là 7,09% (cao hơn mức 6,91% cuối năm 2023, mức 4,21% cuối năm 2022 và với mức 6,33% cuối năm 2021).

- Tăng cường hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD, đặc biệt là tập trung thanh tra chuyên đề đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao; đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh; tiếp tục triển khai các giải pháp hạn chế, ngăn chặn tín dụng đen.

4.2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính – NSNN: tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu - chi NSNN, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; khẩn trương trình cấp có thẩm quyền Đề án đổi mới cơ chế phân cấp NSNN theo hướng tăng cường tính chủ đạo của NSTW và nâng cao tính chủ động, tích cực của NSDP. (**Bộ Tài chính**)

4.3. Phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ theo hướng hiện đại, thúc đẩy kinh tế xanh, bền vững và phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế. (Bộ NNPTNT, Bộ Công thương, Bộ VHTTDL)

a) Nông nghiệp:

- Tập trung thực hiện quyết liệt kế hoạch cơ cấu lại ngành, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nền nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh.

- Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Tập trung tổ chức thực hiện 04 Quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước; ổn định thị trường, kiểm soát sự biến động giá của một số mặt hàng nông sản, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp.

- Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, nâng cao hình ảnh nông lâm thủy sản Việt Nam; thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nông nghiệp tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, kết nối nông nghiệp Việt Nam với chuỗi giá trị toàn cầu, sản xuất bền vững và thân thiện với môi trường.

- Tăng cường công tác KHCN và khuyến nông; nghiên cứu, làm chủ, phát triển các công nghệ cao trong nông nghiệp; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng kinh tế nông nghiệp tuần hoàn. Đẩy nhanh tiến độ tổ chức rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật... về chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Gắn kết phát triển kinh tế tập thể, HTX với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2021 – 2025.”

(Bộ NNPTNT)

b) Công nghiệp:

- Tiếp tục rà soát các tồn đọng ở các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng, tháo gỡ khó khăn để sớm đi vào vận hành.

- Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển công nghiệp, trong đó, chú trọng hoàn thiện cơ chế quản lý của nhà nước với phát triển công nghiệp, hạn chế sự chồng chéo, bảo đảm tính ổn định, nhất quán, khuyến khích phát triển sản xuất.

- Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện quy định về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tiếp tục phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng như: công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu mới, công nghiệp dược.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và dịch chuyển lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

Thực hiện các giải pháp hỗ trợ triển khai các loại hình khu công nghiệp mới (như sinh thái, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chuyên ngành)

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Xây dựng cơ chế và lộ trình phát triển số lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, đặc biệt quan tâm phát triển doanh nghiệp phụ trợ.

- Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất công nghiệp. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ có đủ năng lực tiếp thu làm chủ công nghệ mới, sáng tạo công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển để có thể tự nghiên cứu,

thiết kế, chế tạo một số sản phẩm công nghệ cao, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác khoa học và công nghệ tầm quốc gia với các đối tác chiến lược.

(Bộ Công thương)

c) Dịch vụ:

- Tiếp tục tái cơ cấu các ngành vận tải; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động vận tải và khai thác hiệu quả dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình, nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, giảm chi phí logistic.

Hoạt động vận tải trong diễn ra sôi động phục vụ nhu cầu đi lại, du lịch và tiêu dùng của nhân dân. Tính chung sáu tháng đầu năm 2024, vận chuyển hành khách tăng 4,3% và luân chuyển tăng 11,0% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 13,5% và luân chuyển tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý để khai thác có hiệu quả hơn sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng số hóa nền kinh tế. Khai thác hiệu quả thị trường nội địa; hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Phát triển mạnh dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao trở thành các ngành kinh tế quan trọng.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên sự sáng tạo có kế thừa văn hóa, tinh hoa dân tộc, khoa học công nghệ và bản quyền sở hữu trí tuệ.

- Tiếp tục đầu tư “làm mới” ngành Du lịch, xây dựng hình ảnh thương hiệu du lịch hấp dẫn, có điểm nhấn riêng. Thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường; khai thác hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ du lịch có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh như du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch golf, du lịch chữa bệnh... Đổi mới các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch hướng tới thị trường khách quốc tế, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách mở cửa, chính sách visa, yêu cầu đối với khách quốc tế đến Việt Nam.

Chính sách thị thực thuận lợi, chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch năm 2024 được các địa phương trên cả nước đẩy mạnh, thu hút lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm tháng đầu năm 2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 8,8 triệu lượt người, tăng 58,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống sáu tháng đầu năm 2024 ước đạt 356,4 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch lữ hành sáu tháng đầu năm 2024 ước đạt 29,4 nghìn tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ

năm trước do các địa phương ngay từ đầu năm đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, thu hút khách trong nước và quốc tế.

(Bộ VHTTDL)

4.4. Chủ động thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng KHCN để đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất kinh doanh, thích nghi với tình hình mới. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trong đó tập trung:

- + Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, hộ kinh doanh (trong đó có hộ nông dân), đưa sản phẩm hàng hóa lên các sàn thương mại điện tử;

- + Khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh mới. Phát triển kinh tế số; thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. **(Bộ KHCN, Bộ TTTT)**

4.5. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp tư nhân thực sự là một động lực của nền kinh tế. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể; tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác, nhất là với doanh nghiệp nhà nước. Nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền về cơ chế thí điểm một số Liên đoàn Hợp tác xã, Chương trình tổng thể phát triển kinh tế tập thể trên toàn quốc.

5. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

5.1. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Tổ chức thành công 06 Hội nghị phát triển giáo dục, đào tạo vùng theo các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của 6 vùng kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sách giáo khoa và bảo đảm các điều kiện và triển khai tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Phê duyệt sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông¹⁴; tài liệu nâng cao năng lực dạy

¹⁴ Quyết định số 88/QĐ-BGDD&ĐT ngày 05/01/2024.

học môn Toán (lớp 2, lớp 3) và môn Tiếng Việt (lớp 2, lớp 3) cho cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán ở trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú cấp tiểu học vùng dân tộc thiểu số, miền núi¹⁵; phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 4, lớp 8, lớp 11 của một số địa phương; tổ chức thẩm định sách giáo khoa cấp tiểu học¹⁶, cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông¹⁷; triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học ở một số địa phương¹⁸; triển khai thí điểm Học bạ số cấp tiểu học. Tập trung chuẩn bị tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2024. Tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ VI.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật nhà giáo, tạo hành lang pháp lý cho việc xây dựng, ban hành các chính sách, pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

(Bộ GD&ĐT)

5.2. Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; thực hiện Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động.

(Bộ LĐTBXH)

5.3. Về phát triển KHCN, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp (**Bộ KHCN**)

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ; tập trung gỡ bỏ các rào cản hành chính trong quản lý hoạt động KHCN.

¹⁵ Quyết định số 136/QĐ-BGDDT ngày 09/01/2024; Quyết định số 137/QĐ-BGDDT ngày 09/01/2024.

¹⁶ Thông báo số 92/TB-BGDDT ngày 24/01/2024.

¹⁷ Thông báo số 60/TB-BGDDT ngày 16/01/2024.

¹⁸ Công văn số 47/BGDDT-GDTH ngày 04/01/2024, tại các địa phương: Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, TP. Hồ Chí Minh, Lào Cai, Bắc Giang, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Bến Tre, Cần Thơ.

- Tiếp tục phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KHCN, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn đến năm 2030¹⁹; thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KHCN tại Việt Nam để từng bước hình thành đội ngũ nhân lực KHCN chất lượng cao.

- Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các quy định còn vướng mắc, bất cập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đơn giản hóa tối đa thủ tục thanh, quyết toán cho các nhà khoa học, cơ quan quản lý khoa học khi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, tiêu cực.

- Phát triển các ngành công nghệ cao như chíp, bán dẫn...

- Nghiên cứu cơ chế hiệu quả đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ cao, trong đó tập trung đào tạo 50-100 nghìn nhân lực chất lượng cao cho ngành sản xuất chip điện tử đến năm 2025 và 2030.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích khu vực tư nhân tăng cường đầu tư cho KHCN, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động KHCN, thúc đẩy việc thành lập và nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp.

Ban hành quy định mới về khu công nghệ cao, thành lập Hội đồng Quốc gia về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo²⁰.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia tại 03 thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh; thúc đẩy phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm; thúc đẩy phát triển mạnh hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Thúc đẩy liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển của khu vực và trên thế giới.

Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ thông qua các hoạt động triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia²¹. Triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, tăng cường giải quyết thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Tiếp tục duy trì và vận

¹⁹ Hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ Đề án “Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021-2030”. Ban hành các Thông tư: (1) Thông tư số 05/2023/TT-BKHCN ngày 22/5/2023 hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KHCN; (2) Thông tư số 07/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 hướng dẫn về việc thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KHCN công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KHCN tại Việt Nam.

²⁰ Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 14/02/2024.

²¹ Hiện nay số nhiệm vụ đang thực hiện trong giai đoạn chuyển tiếp của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia là 04 nhiệm vụ trong các lĩnh vực: vật liệu, cơ khí, chế biến gỗ với tổng kinh phí thực hiện trên 304 tỷ đồng trong đó NSNN hỗ trợ 54 tỷ đồng (chiếm 17,9%), doanh nghiệp đối ứng 82,1% tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

hành có hiệu quả các cổng thông tin về khoa học và công nghệ²². Tổ chức thành công Hội nghị Sở hữu trí tuệ năm 2024 và các sự kiện bên lề hưởng ứng Ngày sở hữu trí tuệ thế giới 2024.

6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

6.1. Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI “Về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. (**Bộ VHTTDL**)

- Chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao kỷ niệm các ngày Lễ lớn kỷ niệm, các sự kiện trọng đại. Nhiều chương trình, hoạt động ý nghĩa được tổ chức để kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 134 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5)... đã góp phần khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc. Mùa du lịch hè năm 2024 được chuẩn bị tích cực trên phạm vi cả nước và ở các địa phương.

- Tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, một số sản phẩm văn hóa xuất hiện, tạo hiệu ứng truyền thông tích cực. Bộ tiêu chí về môi trường văn hóa trong lễ hội truyền thống được triển khai tại các địa phương, các lễ hội được tổ chức, diễn ra an toàn, văn minh, lành mạnh.

- Thể thao thành tích cao, phong trào thể thao quần chúng được đẩy mạnh.
- Xây dựng và cải tạo các công trình tiêu biểu có ý nghĩa lớn ở Trung ương và địa phương.
- Khẩn trương hoàn thành, tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

6.2. Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, hiệu quả. Các chương trình, đề án, chính sách về trợ giúp xã hội tiếp tục được triển khai đồng bộ. (**Bộ LĐTBXH**)

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương

²² Hệ thống hỗ trợ thông tin KHCN sti.gov.vn; CSDL về kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp; Cổng thông tin khởi nghiệp ĐMST quốc gia; hệ thống tích hợp các CSDL của Bộ KHCN; cổng thông tin KHCN Việt Nam (vista.gov.vn); cổng thông tin Chợ công nghệ và thiết bị Việt Nam (techmartvietnam.vn). Xây dựng phân mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ kết nối với CSDLQG về dân cư.

Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Trong sáu tháng đầu năm nay (tính đến ngày 19/6/2024), lãnh đạo trung ương và địa phương, các ban, ngành, đoàn thể, các nhà hảo tâm cũng đã tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho nhiều đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là 11,7 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo là hơn 3 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 16,5 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất, bất thường phát sinh tại địa phương là gần 70,1 tỷ đồng. Ngoài ra, bảo hiểm xã hội đã cấp phát hơn 26,2 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng.

Trong sáu tháng đầu năm nay, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân gần 21,3 nghìn tấn gạo, trong đó: Chính phủ hỗ trợ 10,4 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn cho 693,4 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ hơn 5,9 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho 396,3 nghìn nhân khẩu. Các địa phương cũng xây dựng kế hoạch, chủ động bố trí ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ gần 5 nghìn tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

- Thực hiện chi trả trợ cấp xã hội đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, triển khai chính sách xã hội thông qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Thực hiện trợ cấp xã hội cho 3.778 triệu người (khoảng 3,38% dân số). Trong đó có 1.394 triệu người cao tuổi, 1.667 triệu người khuyết tật, 16 nghìn trẻ em đang hưởng chế độ đói với trẻ em mồ côi, mất nguồn nuôi dưỡng, 150 nghìn trẻ em hưởng chế độ đói với trẻ em dưới 3 tuổi, 80 nghìn người đang hưởng chế độ người đơn thân nuôi con dưới 16 tuổi, 80 nghìn đối tượng khác. Đồng thời hỗ trợ kinh phí chăm sóc hằng tháng cho 389 nghìn hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội. Kinh phí ngân sách nhà nước chi cho thực hiện các chế độ chính sách trợ giúp xã hội khoảng 2.250 tỷ đồng/tháng.

Có 61/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện chi trả qua tổ chức dịch vụ chi trả, 63/63 tỉnh/thành phố đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng an sinh xã hội. Tính đến tháng 5, tổng số đối tượng bảo trợ xã hội đã có tài khoản mong muốn chi trả không dùng tiền mặt là 1.584.193 người (41,9%/tổng số đối tượng quản lý), tổng số đối tượng đã được chi trả qua tài khoản là 1.251.841 người (79,02%/tổng số đối tượng có tài khoản); tổng kinh phí đã thực hiện chi trả từ tháng 01/2023 đến nay là trên 2.605 tỷ đồng. Việc triển khai đầy đủ các chế độ, chính sách trợ giúp xã hội đã góp phần ổn định đời sống, bảo đảm an sinh xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội, đồng thời góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và ổn định chính trị đất nước.

Từ đầu năm đến nay, Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân số vốn tín dụng chính sách trên 53.333 tỷ đồng cho trên 1,1 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn. Tổng dư nợ tín dụng chính sách đến nay đạt trên 347.602 tỷ đồng, với hơn 6,8 triệu khách hàng đang còn dư nợ. Vốn tín dụng chính sách xã hội đã hỗ trợ đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho hơn 332 nghìn lao động.

Các chương trình tín dụng chính sách trong 6 tháng đã hỗ trợ vay vốn cho 1,4 triệu đối tượng, tạo việc làm cho khoảng 406 nghìn lao động.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025.

- Chương trình cho vay nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã giải ngân được trên 20,1 nghìn tỷ đồng, cho trên 47,5 nghìn khách hàng vay vốn, dư nợ cho vay đến nay đạt 16.869 tỷ đồng, với trên 44 nghìn khách hàng đang còn dư nợ; chương trình đã góp phần giúp trên 47,5 nghìn khách hàng thuộc các đối tượng chính sách cùng gia đình có nhà ở, ổn định “an cư, lạc nghiệp”, yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế, góp phần vào thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6.3. Đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động. Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. **(UBDT)**

6.4. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương; đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư (**Bộ LĐTBXH, BHXHVN**)

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 16/02/2022 Chính phủ về Chương trình Quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2021-2025.

- Có giải pháp, chính sách hiệu quả để khắc phục tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần.

Tính đến hết tháng 4 năm 2024, số người tham gia BHXH đạt khoảng 17,407 triệu người, tăng 1,73% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 37,11% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó: BHXH bắt buộc đạt khoảng 15,954 triệu người, tăng 1,56% so với cùng kỳ năm 2023; BHXH tự nguyện đạt khoảng 1,453 triệu người, tăng 3,71% so với cùng kỳ năm 2023.

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Trong 5 tháng đầu năm 2024 tổng số người quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp 299.759 người, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2023 (337.432 người). Triển khai các hoạt động Tháng Hành động An toàn, vệ sinh lao động và Tháng Công nhân năm 2024, tăng cường kiểm tra và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động. Chủ động xây dựng các giải pháp phòng ngừa, xử lý những tranh chấp lao động; theo dõi, nắm bắt tình hình lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc biệt là những địa phương tập trung nhiều lao động.

- Tại Kỳ họp thứ VIII, trình Quốc hội thông qua phương án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW từ ngày 01/7/2024.

6.4. Tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, đề án về trẻ em, đặc biệt là Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030. (**Bộ LĐTBXH**)

- Bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; kiểm soát và giảm số lượng trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn, thương tích trên tất cả loại hình tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước, tai nạn giao thông.

Đẩy mạnh các hoạt động liên quan đến tạo việc làm cho thanh niên, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, lập nghiệp bởi thanh niên; tiếp tục thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp sáng tạo; đảm bảo mọi thanh niên đều được hưởng các chính sách bình đẳng.

6.5. Tiếp tục triển khai công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. (**Bộ LĐTBXH**)

6.7. Thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội. Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030, Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới 2021-2025 và các chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. (**Bộ LĐTBXH**)

6.8. Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động. (**Bộ LĐTBXH**)

- Triển khai các giải pháp để xây dựng, hình thành thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại, bền vững và hội nhập; tăng cường kết nối cung - cầu lao động. Trong 6 tháng, tỷ lệ thất nghiệp khoảng 2,27%, tương đương cùng kỳ năm trước; thu nhập bình quân người lao động đạt khoảng 7,5 triệu đồng, tăng 7,4%. Tỷ lệ hộ dân đánh giá có thu nhập không thay đổi và tăng lên trong tháng 6 là 95,6%.

- Tập trung triển khai các giải pháp ổn định và phát triển thị trường lao động ngoài nước; công tác tuyển chọn, đào tạo và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quản lý chặt chẽ hơn; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Có giải pháp phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; đẩy nhanh việc triển khai Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030.

- Ôn định, duy trì các thị trường hiện có, phát triển, mở rộng thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam; đẩy mạnh triển khai các thỏa thuận đã ký với các nước tiếp nhận lao động, các biện pháp ổn định và phát triển thị trường truyền thống; tiếp tục đàm phán, ký kết các thỏa thuận với các nước tiếp nhận lao động.

6.9. Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. (Bộ Y tế)

- Bảo đảm đủ, kịp thời vắc-xin và duy trì tỷ lệ tiêm các loại vắc-xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên 90%.

- Nghiên cứu, xây dựng khung chính sách tổng thể về dân số, bảo đảm tỷ suất sinh thay thế phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số, góp phần kéo dài và tận dụng cơ hội thời kỳ dân số vàng. Nghiên cứu, xây dựng khung chính sách tổng thể về dân số, bảo đảm tỷ suất sinh thay thế phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số, góp phần kéo dài và tận dụng cơ hội thời kỳ dân số vàng. Sơ kết 05 năm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 gắn với xây dựng, ban hành Khung chính sách quốc gia thích ứng, giải quyết vấn đề già hóa dân số.

- Tập trung công tác xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong mua sắm đấu thầu, quản lý, cấp phép, gia hạn thuốc, trang thiết bị y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ cấp mới, gia hạn, duy trì giấy đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu thuốc, trang thiết bị y tế. Tiếp tục rà soát, thực hiện giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí; mở rộng bao phủ bảo hiểm y tế.

6.10. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai và tập trung triển khai, thực hiện, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình MTQG phát triển KTXH dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác. (Bộ Nội vụ, UBNDT)

7. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường (Bộ TNMT)

- Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nền kinh tế xanh, ít chất thải, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, các-bon thấp. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

- Quyết liệt triển khai các Chiến lược, Kế hoạch, Chương trình hành động thực hiện các cam kết tại COP26, trọng tâm là đưa mức phát thải ròng về “0” vào năm 2050. Thực hiện hiệu quả Tuyên bố chính trị về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP).

- Tiếp tục hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Tuyên bố về chuyển đổi sang năng lượng sạch, đóng góp vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, đặc biệt là nguồn nước ngọt.

- Tập trung điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên các loại khoáng sản. Tiếp tục thực hiện điều tra tổng thể về khoáng sản các vùng để phục vụ phát triển KTXH.

- Thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thương nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Kông và Sông Hồng.

Tính chung sáu tháng đầu năm nay đã phát hiện 12.650 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 11.418 vụ với tổng số tiền phạt là 156,5 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước.

+ Cải thiện rõ rệt tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh hơn nữa chuyển đổi năng lượng ít phát thải các-bon; xây dựng và phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; phần đầu tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng năng lượng tiêu thụ cuối cùng ở mức cao.

8. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, thực hiện nghiêm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị (Bộ Xây dựng)

- Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng - an ninh 6 vùng.

- Khẩn trương triển khai thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; phát huy vai trò của các vùng kinh tế xã hội, các đô thị lớn. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng, kiện toàn bộ máy tổ chức điều phối vùng. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các dự án liên vùng, kết nối lan tỏa cấp Vùng giai đoạn 2026-2030.

- Nghiên cứu, lựa chọn địa phương, đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao; sớm hoàn thiện, ban hành đề án Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng.

- Tích cực triển khai Nghị quyết số 06-NQ/BCT ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được phê duyệt.

9. Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Bộ, ngành và với chính quyền địa phương trên cơ sở xác định rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị và có thời hạn cụ thể để phát huy vai trò chủ động, sáng tạo; thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị và sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập của Bộ, ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, hoàn thiện mô hình chế độ công vụ theo hướng năng động, linh hoạt, hiệu quả, thực tài để xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại;

- Hoàn thiện chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài và quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao đạo đức công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cá thể hóa trách nhiệm đến từng công chức trong thực thi công vụ. Khắc phục tình trạng dùn đẩy, né tránh, sơ sai, sơ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức. Khen thưởng, kỷ luật kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định.

- Tiếp tục phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng, chống

tham nhũng. Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng, bảo đảm đúng pháp luật. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực chỉ đạo, theo dõi.

- Sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khẩn trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo kế hoạch; thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tích cực thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, xây dựng và sớm đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay ở cấp cơ sở.

(Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ)

10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

(Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

11. Công tác đối ngoại, ngoại giao kinh tế, nhất là đối ngoại cấp cao tiếp tục được triển khai chủ động, tích cực và hiệu quả, có dấu ấn nổi bật, cụ thể hóa thành các dự án cụ thể, thiết thực, mang tính đột phá. Đặc biệt là, đã tổ chức tiếp đón thành công Tổng thống Nga Vladimir Putin sang thăm chính thức Việt Nam, đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ tham dự Diễn đàn Kinh tế thế giới và làm việc tại Trung Quốc, sang thăm chính thức Hàn Quốc... Việt Nam - Mỹ lần đầu tổ chức đối thoại kinh tế đối tác chiến lược toàn diện; thu hút các nhà đầu tư lớn đối với lĩnh vực chíp, bán dẫn. Vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên, mở ra các cơ hội hợp tác, hướng phát triển mới cho đất nước.

(Bộ Ngoại giao)

12. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

(Bộ TTTT)

III. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá theo các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng theo dõi, quản lý

IV. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của kết quả đạt được

2. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn (chủ quan, khách quan)

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2024 (CÁC BỘ, CƠ QUAN ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CĂN CỨ THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO)

Để phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu KTXH theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ quyết tâm chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra theo Kết luận của Trung ương về KTXH năm 2024, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tập trung vào các nhóm chủ yếu sau:

2.1. Thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp

- Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; bám sát diễn biến thị trường để điều hành lãi suất, tỷ giá đồng bộ, hài hòa, hợp lý, phấn đấu tăng trưởng tín dụng cả năm khoảng **15%**.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng trong nước, tập trung thực hiện thực chất, hiệu quả cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; đẩy mạnh quản lý thương mại điện tử, kinh doanh trên không gian mạng; tăng cường phòng chống buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, gian lận xuất xứ.

- Triển khai các chính sách xúc tiến du lịch có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số thị trường lớn, tiềm năng; nghiên cứu chính sách visa hợp lý để thu hút khách du lịch; có giải pháp đồng bộ để kích thích du lịch trong nước, cải thiện sức hấp dẫn của các điểm du lịch trọng điểm, nhất là trong việc quản lý giá vé máy bay dịp lễ tết, mùa du lịch.

- Tập trung thu hút các dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, Hydrogen...; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp FDI để đẩy nhanh tiến độ các dự án.

- Tập trung xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, đẩy mạnh đầu tư trong các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.

- Tháo gỡ vướng mắc, nhất là về pháp lý, thủ tục để đẩy nhanh tiến độ cấp phép, triển khai các dự án nhà ở xã hội; rà soát, sửa đổi các quy định còn bất cập về điều kiện mua nhà ở xã hội của người dân; thúc đẩy tiến độ gói tín dụng nhà ở xã hội 120 nghìn tỷ đồng, Đề án đầu tư 01 triệu căn nhà ở xã hội.

- Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia; nghiên cứu phát hành thêm 100 nghìn tỷ đồng vốn trái phiếu chính phủ để đầu tư các dự án trọng điểm.

2.2. Theo dõi chặt chẽ lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế

- Theo dõi sát tình hình giá cả; chủ động điều tiết nguồn hàng vào dịp cuối năm, lễ tết để hạn chế tâm lý tăng giá. Xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, trục lợi, tránh để hiện tượng tăng giá bất hợp lý, tung tin thất thiệt gây bát ổn thị trường; phản đấu kiểm soát lạm phát ở cận dưới chỉ tiêu Quốc hội giao (4-4,5%).

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; triển khai các giải pháp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu; đẩy mạnh quản lý thu thuế thương mại điện tử, thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử; triệt để và cương quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên, nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp bách.

- Bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước. Sẵn sàng phương án cung ứng, điều tiết nguồn điện để bảo đảm cung cấp điện, ứng phó với các kịch bản vận hành cực đoan có thể xảy ra. Triển khai hiệu quả Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII; đẩy nhanh tiến độ các dự án đang triển khai, sớm đưa vào vận hành, khai thác. Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân.

- Đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường chủ lực; khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết, các thị trường tiềm năng, thị trường mới; tạo thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp trong thông quan hàng hóa, hoàn thuế VAT, đáp ứng các tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu.

2.3. Tập trung đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật, đặc biệt để tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Rà soát, tháo gỡ ngay các quy định, thủ tục hành chính, quy chuẩn, tiêu chuẩn, điều kiện kinh doanh không hợp lý, không cần thiết, gây khó khăn, vướng mắc, phiền hà cho doanh nghiệp, người dân. Trong đó, tập trung xử lý dứt điểm một số quy định về hoàn thuế GTGT, phòng cháy, chữa cháy, truy xuất nguồn gốc... Sớm thành lập Ban chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban để chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, bất cập trong các quy định pháp luật.

- Khẩn trương tổng kết, đánh giá, trình cấp có thẩm quyền cho phép mở rộng áp dụng các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã phát huy hiệu quả, các dự án đã được tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố.

- Đẩy nhanh sáp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh cải cách hành chính, thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh, khắc phục việc né tránh, dùn đẩy trách nhiệm; thực hiện hiệu quả quy định về bảo vệ cán bộ, dám nghĩ, dám làm.

- Tập trung hoàn thành phê duyệt các quy hoạch; ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện các quy hoạch.

- Nghiên cứu xây dựng gói chính sách quy mô đủ lớn, phù hợp, khả thi để hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nghiệp “sếu đầu đàn”, doanh nghiệp dân tộc, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, các ngành, lĩnh vực mới như chíp, bán dẫn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.....

2.4. Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia, sân bay, cảng biển, đường cao tốc, dự án liên vùng, liên tỉnh; bảo đảm cung ứng đủ vật liệu xây dựng cho các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia; tập trung rà soát, đầu tư hoàn thiện các tuyến đường gom, nút giao kết nối để phát huy tối đa hiệu quả các tuyến cao tốc đã đưa vào khai thác.

Nghiên cứu xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phụ trợ để tham gia sâu vào quá trình xây dựng, vận hành đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam.

Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế, tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các ngành, lĩnh vực công nghiệp mới như bán dẫn, năng lượng Hydrogen...

2.5. Chú trọng làm tốt công tác an sinh xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế...

Tích cực thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, đổi mới công tác phát hành sách giáo khoa; khẩn trương xây dựng, hoàn thiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao.

Tiếp tục chủ động giám sát, phát hiện sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh truyền nhiễm, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Đẩy mạnh quản lý các bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích, môi trường y tế, an toàn thực phẩm, nâng cao sức khoẻ. Tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, sự hài lòng của người dân, bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư cho y tế dự phòng, y tế cơ sở. Tập trung giải quyết tình trạng thiếu thuốc, vật tư, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; bảo đảm vắc xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng.

Tập trung làm tốt chính sách dân tộc, đẩy mạnh thực hiện CTMTQG về phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.6. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; làm tốt công tác dự báo, chủ động triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai, bão lũ, hạn hán, thiếu nước, sạt lở, xâm nhập mặn..., bảo đảm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, đời sống người dân.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định pháp lý về đất đai, bất động sản. Hướng dẫn triển khai tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, thủ tục liên quan đến khai thác mỏ vật liệu xây dựng phục vụ các công trình giao thông trọng điểm. Khẩn trương ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định về xác định giá đất, quy định liên quan đến khoáng sản, vật liệu xây dựng, bảo đảm rõ ràng, công khai, minh bạch, thống nhất trong thực hiện. Nghiên cứu giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí, phơi nhiễm với nồng độ bụi PM 2.5 tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7. Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2.8. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện tốt chức năng tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Tiếp tục triển khai hiệu quả chiến lược, nghị quyết, kết luận, đề án, luật đã ban hành; chỉ đạo triển khai thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh trong năm 2024.

2.9. Tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tiếp tục củng cố và không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

Đẩy mạnh công tác đối ngoại, vận động, chuẩn bị tốt các nội dung để Mỹ sớm công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường nhằm cụ thể hóa các cam kết của lãnh đạo hai nước sau khi nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.

Tăng cường công tác rà soát, đôn đốc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế đã ký kết trong các chuyến công tác của Lãnh đạo cấp cao; thúc đẩy tháo gỡ vướng mắc trong quan hệ kinh tế với các nước.

2.10. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội..

(CÁC BỘ, CƠ QUAN ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CĂN CỨ THEO CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ THEO DÖI QUẢN LÝ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC ĐƯỢC GIAO)

VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025

I. BỐI CẢNH

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

Bối cảnh tình hình thế giới, trong nước dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro đan xen tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

IV. CÁC CÂN ĐỐI LỚN

1. Cân đối tích lũy - tiêu dùng:
2. Cân đối NSNN:
3. Cân đối xuất, nhập khẩu:
4. Cân đối về điện:
5. Cân đối lương thực:

V. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

(Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương bổ sung nội dung theo các ngành, lĩnh vực phân công phụ trách, quản lý)